

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 149/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26 – 5 – 2022

“Về tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH CÀ MAU

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Hứa Minh Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đỗ Mỹ Lil
2. Bà Nguyễn Huỳnh Hương

**- Thư ký phiên toà:** Ông Trương Minh Chiến, là Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2022/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Hồ Hoàng Ng, sinh năm: 1991 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn SĐ, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:** Anh Phạm Văn T, sinh năm: 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn SĐ, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 22/02/2022, chị Trần Thanh Ng trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn T xác lập quan hệ hôn nhân và chung sống vợ chồng vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn SĐ, huyện T, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục, tập quán và được gia đình hai bên chấp thuận.

Quá trình chung sống, chị Ng cho rằng anh T ghen tuông vô cớ rồi đánh đập chị nhiều lần, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, từ đó mâu thuẫn kéo dài mà không có cách khắc phục nên chị và anh T đã sống ly thân với nhau. Do đó, chị xét

thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị Ng xác định giữa chị và anh T có 01 người con chung là Phạm Minh Tr, sinh ngày 14/8/2016, hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Ng xác định không có.

- Về nợ chung: Chị Ng khai rằng giữa chị và anh T không có nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

\* Đối với anh Phạm Văn T vắng mặt không lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về tố tụng: Về loại việc tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Tranh chấp giữa chị Ng và anh T là tranh chấp về ly hôn và nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc vắng mặt của anh T: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến phiên tòa để tham gia hòa giải và xét xử vụ án, thông qua bà ngoại và bác ruột của anh T là bà Trương Thị B và ông Trương Văn Th nhận thay các văn bản tố tụng và có cam kết giao lại nhưng anh T vẫn không có ý kiến phản hồi đồng thời cũng không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định. Đối với việc đề nghị vắng mặt của chị Ng, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Ng theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Hồ Hoàng Ng và anh Phạm Văn T xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn vào năm 2016 và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống, do vợ chồng có nhiều điểm bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã, đánh đập nhau, dẫn đến tình cảm sứt mẻ, không quan tâm, chăm sóc, cảm thông, chia sẻ lẫn nhau. Xét mâu thuẫn thực tế là có nhiều mâu thuẫn, nhận thấy về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong cuộc sống vợ chồng của anh chị, mỗi người đều có cách sống, cách nghĩ khác nhau. Từ đó, giữa vợ chồng đã nhiều lần cãi vã, làm mất lòng tin đối với nhau, mỗi người có cuộc sống và mối quan hệ riêng tư, không quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau. Mặt khác, sau khi xảy ra mâu thuẫn, chị Ng và anh T tự sống ly thân để anh, chị tự dung hoà nhằm hàn gắn tình cảm vợ, chồng nhưng không có hiệu quả. Thời gian này để cho anh, chị có điều kiện thử thách bản thân, suy ngẫm về cuộc sống vợ chồng đã qua nhằm tìm cách tháo gỡ, khắc phục khuyết điểm của mỗi bên để vợ, chồng đoàn tụ nhưng không ai có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn và cũng không quan tâm, thăm hỏi, giúp đỡ lẫn nhau. Bên cạnh đó, chị Ng cương quyết ly hôn, nếu không được xem xét thì chị cũng không thể

quay lại chung sống với anh T, vì tình cảm không còn và tương lai, hạnh phúc cũng không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Ng được ly hôn anh T là có căn cứ.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu Phạm Minh Tr, sinh ngày 14/8/2016, hiện sống chung với chị Ng nên tiếp tục giao cháu Tr cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con: Chị Ng không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Ng xác định không có nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Ng khai rằng giữa chị và anh T không có nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Hồ Hoàng Ng về việc ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Phạm Minh Tr, sinh ngày 14/8/2016 cho chị Hồ Hoàng Ng trực tiếp nuôi dưỡng; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh Phạm Văn T không trực tiếp nuôi con vẫn được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị Ng phải chịu 300.000đ. Ngày 21 tháng 02 năm 2022, chị Ng đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số: 4417 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị*

*cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

6. Quyền kháng cáo: Chị Ng và anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn SĐ, huyện T;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**Hứa Minh Hải**